

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nhung

Bà Lê Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1979

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Đoàn Văn D**

Sinh ngày: 10 tháng 01 năm 1978

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16 tháng 9 năm 2019, trong các bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị H đăng ký kết hôn với anh Đoàn Văn D tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày ngày 16-12-2000. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 15 năm, trong 15

năm đó tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nhỏ, vẫn tính là hòa hợp, hạnh phúc nhưng sau đó thì anh D hay rượu chè, chửi bới, đánh đập Chị H, chửi cả bố mẹ Chị H, về kinh tế anh D hay chửi bới và cho rằng Chị H tiêu hoang phí, tích góp làm của riêng, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, ngoài sức chịu đựng của Chị H. Anh em hai bên nội ngoại đã nhiều lần hòa giải cho 02 vợ chồng và sau những lần va chạm thì công an viên xóm có đến giải quyết nhưng anh D không thay đổi. Chị H đã khuyên ngăn mong anh D sống có trách nhiệm với gia đình nhưng mỗi lần vợ chồng ngồi lại để nói chuyện thì đều cãi nhau, không có tiếng nói chung. Nay vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Trước đây Chị H đã nộp đơn tại Tòa án 01 lần nhưng chị muốn cho anh D cơ hội nên đã rút đơn, nhưng sau đó một thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn vì những lý do như trước nên hiện nay Chị H kiên quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D có 03 con chung gồm:

Họ và tên: Đoàn Thị Thùy G, sinh ngày: 22 tháng 11 năm 2001

Họ và tên: Đoàn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 26 tháng 10 năm 2004

Họ và tên: Đoàn Thị M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2016.

Cháu Đoàn Thị Thùy G đã trên 18 tuổi, có việc làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đoàn Thị Quỳnh N và cháu Đoàn Thị M, Chị H có nguyện vọng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Chị H mong muốn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định, thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án. Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng 01 tháng 1.000.000 đồng cho 01 con chung (tức là 2.000.000 đồng cho cả hai con mỗi tháng). Chị H làm nghề nông và đi làm thuê cho người trong xã, thu nhập tính theo ngày 200.000 đồng/ngày, mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng. Hiện nay, cháu Đoàn Thị Quỳnh N đang ở nhà với bố, còn cháu M đang ở với mẹ tại nhà ông bà ngoại. Chị H cho rằng các cháu đều là con gái nên cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ hơn.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm: 05 chỉ vàng 9999 (bốn số 9), hiện Chị H đang quản lý sử dụng; 01 thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15/371 thuộc Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH00099 ngày 22 – 7 – 2013 có diện tích là 2808m², (trong đó, đất ở là 400m², đất trồng cây lâu năm 2000m², đất trồng cây hằng năm khác 408m²) mang tên hai vợ chồng. Nguồn gốc đất là bố Chị H cho. Công trình trên đất có 02 gian nhà gỗ, 03 gian nhà ngang, mái che, sân xi măng, nhà bếp, nhà tắm, chuồng lợn, giếng nước,

cửa gỗ cùng đồ vật trong nhà gồm: 02 giường gỗ, sập gỗ, bàn ghế gỗ. Hiện tại đất và nhà do anh D quản lý, sử dụng. Chị H đề nghị Tòa án phân chia theo hướng hoặc Chị H lấy nhà đất và đưa lại tiền chênh lệch cho anh D hoặc anh D ở nhà đất và đưa lại tiền chênh lệch cho Chị H.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Phạm Thị H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Trích lục kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh thư nhân dân của Chị H và anh D, bản sao giấy khai sinh cháu: Đoàn Thị M, Đoàn Thị Quỳnh N, Đoàn Thị Thùy G; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 819170, bản tự khai của Chị H;

Trong quá trình Tòa án giải quyết, tại biên bản lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, bị đơn Đoàn Văn D trình bày:

Về tình cảm: Anh D thống nhất với Chị H về việc anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng sống với nhau được khoảng 15 năm thì mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh D đi làm ăn kiếm tiền nhưng Chị H không biết tích góp, anh làm ăn lao động nhưng đồ ăn trong nhà ít ỏi, đơn sơ nên anh D hay góp ý với Chị H nhưng mỗi lần thì Chị H thái độ, cãi lại và nhiều lần bỏ đi. Quá trình chung sống anh D không đập đánh Chị H nhiều lần như Chị H nói và chỉ khi nhiều lần do bức xúc thì anh chỉ đánh nhẹ nhưng suốt mười mấy năm anh chỉ đánh chị 2, 3 lần. Trước đây, sau khi cãi nhau Chị H có nộp đơn tại Tòa án 01 lần nhưng anh D không biết, sau khi được Tòa án thông báo thì anh D khuyên nhủ nên Chị H rút đơn nhưng sống với nhau được khoảng một năm thì vợ chồng lại cãi nhau, Chị H lại bỏ đi về nhà mẹ đẻ, anh D có xuống nhà gọi và giải thích với ông bà nhưng mẹ Chị H nói do anh D chì chiết nên Chị H mới bỏ đi và đòi gọi Công an đến nên anh D có lấy dũa bếp đánh vào tay mẹ Chị H. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Mặc dù anh D cho rằng vợ chồng cãi nhau là bình thường, Chị H bỏ đi là không đúng nhưng hiện chị kiên quyết ly hôn thì anh D đồng ý.

Về con chung: Anh D đồng ý quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung như trình bày của Chị H. Cháu Đoàn Thị Thùy G đã trên 18 tuổi, tự lo cho cuộc sống của mình. Nay, anh D cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Đoàn Thị Quỳnh N và Đoàn Thị M. Anh D đi làm xây dựng thu nhập có tháng 9.000.000 đồng, có khi cao thì khoảng 13.000.000 đồng. Anh D biết cháu N có nguyện vọng ở với mẹ nhưng theo anh con thì thường gần gũi với mẹ hơn nên cháu có nguyện vọng như thế, nhưng là người bố anh cũng muốn chăm sóc, gần gũi các con, muốn trực tiếp nuôi con. Nếu được giao con trực tiếp nuôi, anh D không yêu cầu Chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: anh D thống nhất về số tài sản chung và giá trị tài sản chung như phần trình bày của Chị H. Hiện nay, anh D đang quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Đất, nhà công trình kiên cố, còn Chị H đang quản lý 05 chỉ vàng. Anh D đề nghị chia đôi mảnh đất, mỗi người 01 phần, phần bên nào có nhà sẽ nhường lại cho Chị H và Chị H sẽ đưa tiền chênh lệch cho anh; chia đôi 05 chỉ vàng Chị H đang giữ và đồ vật, tài sản trong nhà.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Ngoài bản tự khai thì anh Đoàn Văn D không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã lấy lời khai của các đương sự, tìm hiểu nguyện vọng của con chung Đoàn Thị Quỳnh N, xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản chung của vợ chồng anh D và Chị H.

Kết quả của hội đồng định giá đã được các đương sự thống nhất về giá trị các tài sản như sau:

- Về đất: 01(một) thửa đất số 157 tờ bản đồ số 15/371 thuộc Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích là 2808m², (trong đó, đất ở là 400m², đất trồng cây lâu năm là 2000m², đất trồng cây hằng năm khác là 408m²) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BO 819179, sổ vào sổ cấp là CH00099 do UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2013 mang tên Đoàn Văn D và Phạm Thị H, có ranh giới như sau:

- + Phía Đông giáp với đất nông nghiệp của ông Phạm Hữu T dài 40,49m;
- + Phía Tây giáp với đường giao thông dài 32,65m;
- + Phía Bắc giáp đường giao thông dài 32,65m;
- + Phía Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp do UBND xã S, huyện K quản lý dài 88,17m.

Về kết quả định giá

- Về bất động sản: Toàn bộ thửa đất có tổng giá trị là 185.829.600 đồng (*một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm đồng*), trong đất ở có giá: 48.000.000 đồng/400m², đất trồng cây lâu năm có giá: 144.000.000 đồng/2000m², đất trồng cây hằng năm khác có giá: 17.829.600 đồng/408m².

- Về động sản: 01 nhà gỗ 02 gian xây bao bằng gạch taplo, mái lợp ngói đỏ, diện tích 93,4m², được định giá là 273.101.600 đồng (*hai trăm bảy mươi ba triệu, một trăm lẻ một ngàn, sáu trăm đồng*).

- 01 nhà ngang cấp 4, xây bao bằng gạch táp lô, mái lợp ngói đỏ, diện tích $41,4\text{m}^2$, được định giá 31.298.400 đồng (*ba mươi một triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm đồng*);

- 01 mái che trước nhà gỗ và nhà ngang, cột trụ bê tông cốt thép, khung sườn gỗ, diện tích $56,3\text{m}^2$, được định giá là 15.133.440 đồng (*mười lăm triệu, một trăm ba mươi ba ngàn, bốn mươi bốn đồng*).

- 01 sân dưới mái che lán xi măng, diện tích $56,3\text{m}^2$, được định giá là 6.530.800 đồng (*sáu triệu, năm trăm ba mươi ngàn, tám trăm đồng*)

- 01 nhà bếp liền kề nhà ngang, xây gạch táp lô, chưa áo, mái lợp fibro, diện tích $22,6\text{m}^2$ được định giá 11.788.160 đồng (*mười một triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi đồng*)

- 01 nhà tắm xây gạch táp lô, mái đổ bê tông, chưa áo, diện tích 5m^2 , được định giá 1.900.000 đồng (*một triệu, chín trăm ngàn đồng*).

- 01 chuồng lợn xây bằng gạch táp lô, mái lợp Fibro, diện tích $30,8\text{m}^2$, được định giá là 10.472.000 đồng (*mười triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng*)

- 01 cửa chính khung gỗ lim, chiều dài khung 12m; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích $7,16\text{m}^2$ được định giá là 15.636.298 đồng (*mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, hai trăm chín tám đồng*)

- 02 cửa phụ khung gỗ lim, chiều dài khung 7,8m x 02 khung; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích $1,976\text{m}^2 \times 02\text{ cửa} = 3,952\text{m}^2$ được định giá là 13.770.272 đồng (*mười ba triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, hai trăm bảy hai đồng*)

- 01 cửa sổ khung gỗ lim, chiều dài khung 7,2 m; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích $3,5\text{m}^2$ được định giá là 8.021.391 đồng (*tám triệu, không trăm hai mươi một ngàn, ba trăm chín một đồng*)

- 01 cửa sổ không có khung cửa; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích $1,68\text{m}^2$ được định giá là 1.860.042 đồng (*một triệu, tám trăm sáu mươi ngàn, không trăm bốn hai đồng*)

- 01 giếng đào được định giá là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)

Giá trị của các vật dụng trong nhà được định giá như sau:

- 01 giường ngủ bằng gỗ nhóm II, kích thước 1,6m x 2m được định giá là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)

- 01 Giường ngủ bằng gỗ nhóm II, kích thước 1,56m x 2,06m được định giá là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)

- 01 sập gỗ nhóm II rộng 1,4m, dài 2,1m được định giá là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)

- 01 bộ bàn ghế gỗ lim, gồm: 01 ghế dài, 03 ghế đơn, 01 đầu được định giá là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)

- 05 (năm) chỉ vàng loại 9999 được định giá là 25.500.000 đồng (*hai mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng*)

Tổng giá trị của các tài sản định giá là 644.842.003 đồng, làm tròn: 644.842.000 đồng (sáu trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, các Điều 55, 58, 59, 62, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D

- Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị Quỳnh N - sinh ngày 26 tháng 10 năm 2004 và cháu Đoàn Thị M - sinh ngày 09 tháng 3 năm 2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian Chị H nuôi con chung, anh Đoàn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi con chung (tức là 2.000.000 đồng cho cả hai con mỗi tháng). Trường hợp anh D chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị H thì anh D phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm

Anh Đoàn Văn D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung không ai được ngăn cản, cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, cụ thể:

+ **Giao cho chị Phạm Thị H sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm:** 2,5 chỉ vàng 9999 (bốn số 9); 01 chiếc giường gỗ nhóm II, kích thước 1,6m x 2m; 01 sập gỗ nhóm II rộng 1,4m, dài 2,1m; 01 bộ bàn ghế gỗ lim, gồm: 01 ghế dài, 03 ghế đơn, 01 đầu; 01 phần diện tích thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15 thuộc thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, với tổng diện tích 1598,26m², trong đó: có 227,67m² đất ở, 1138,36m² đất trồng cây lâu năm, và 232,22m² đất trồng cây hằng năm khác; ranh giới thửa đất thể hiện như sau (phía Đông giáp với đất nông nghiệp của ông Phạm Hữu T dài 40,49m; Phía Tây giáp với phần đất còn lại của thửa đất số 157, dài 34,5m; Phía Bắc giáp đường giao thông dài 39,85m; Phía Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp do UBND xã S quản lý dài 47,21m); Giao cho chị Phạm Thị H sở hữu, sử dụng nhà và công trình gắn liền với diện tích đất được giao gồm: 01 nhà gỗ 02 gian xây bao bằng gạch taplo, mái lợp ngói đỏ, diện tích 93,4m². Gắn với nhà có 01 cửa chính: Khung gỗ lim, chiều dài khung 12 m, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 7,16 m²; 02 cửa phụ: Khung gỗ lim, chiều dài khung 7,8m x 02 khung, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 1,976 m² x 02 cửa; 01 cửa sổ: Khung gỗ lim, chiều dài khung 7,2 m; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 3,5 m²; 01 cửa sổ không có khung cửa; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 1,68 m²; 01 Nhà ngang cấp 4, xây bao bằng gạch tấp lô, mái lợp ngói đỏ, diện tích 41,4m²; 01 Mái che trước nhà gỗ và nhà ngang, cột trụ bê tông cốt thép, khung sườn gỗ, diện tích 56,3m²; 01 Sân dưới mái che lán xi măng, diện tích 56,3m²; 01 nhà bếp liền kề nhà ngang, xây gạch tấp lô, chưa áo, mái lợp fibro, diện tích 22,6m²; 01 Nhà tắm xây gạch tấp lô, mái đổ bê tông, chưa áo, diện tích 5m²; 01 chuồng lợn xây bằng gạch tấp lô, mái lợp Fibro, diện tích 30,8m²; 01 giếng đào. **Tổng giá trị tài sản mà Chị H được giao cho sở hữu, sử dụng là: 540.692.737 đồng**

+ **Giao cho anh Đoàn Văn D sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm:** 2,5 chỉ vàng loại 9999 (bốn số chín). Số vàng này chị Phạm Thị H đang quản lý; 01 chiếc giường gỗ nhóm II, kích thước 1,56m x 2,06m; 01 phần thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15 thuộc thôn Sơn Bình 2, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, với tổng diện tích 1209,74m², trong đó có 172,33m² đất ở, 861,64m² đất trồng cây lâu năm, và 175,78m² đất trồng cây hằng năm khác; ranh giới, kích thước thể hiện như sau (phía Đông giáp còn lại của thửa đất số 157 được giao cho chị Phạm Thị H, dài 34,5m; phía Tây giáp với đường giao thông, dài 32,65m; phía Bắc giáp đường giao thông dài 30,33m; phía Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp do UBND xã S, huyện K quản lý dài 40,96m).

Tổng giá trị tài sản mà anh Đoàn Văn D được giao cho sở hữu và sử dụng là 104.149.266đ (một trăm lẻ bốn triệu, một trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi sáu đồng). Chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm bàn giao lại cho anh

Đoàn Văn D 2,5 chỉ vàng do Chị H đang quản lý, sử dụng và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ đưa lại cho anh Đoàn Văn D số tiền chênh lệch chia tài sản do Chị H được sở hữu, sử dụng số hiện vật nhiều hơn, số tiền chênh lệch là **218.272.000 đồng** (hai trăm mười tám triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) Trong quá trình giải quyết vụ án Chị H có đơn yêu cầu định giá tài sản và nộp cho Tòa án nhân dân huyện K số tiền 5.000.000đ, nên anh D phải khấu trừ cho Chị H 2.500.000đ số tiền thẩm định, định giá tài sản mà Chị H đã nộp trước đó. Vì vậy, Chị H có nghĩa vụ đưa lại tổng số tiền chênh lệch tài sản cho anh D là 215.772.000đ (*hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm, bảy mươi hai ngàn đồng*)

+ **Về án phí:** Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 16.121.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*)) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005622. Nay chị Phạm Thị H phải nộp thêm 15.821.000 đồng.

Anh Đoàn Văn D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng và 16.121.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng tiền án phí anh D phải chịu là 18.421.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản tài sản khi ly hôn. Bị đơn Đoàn Văn D cư trú tại Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo đúng quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống thường xuyên cãi vã khi có mâu thuẫn về tiền bạc khi anh D cho rằng Chị H không biết tích góp. Trong những lần tranh chấp, anh D có đánh Chị H một

số lần. Mâu thuẫn giữa Chị H và anh D trầm trọng và kéo dài. Trước đây Chị H đã 01 lần nộp đơn lên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sau đó đã rút với mong muốn cho nhau cơ hội tuy nhiên sau khi đoàn tụ được khoảng 1 năm vợ chồng lại thường xuyên cãi vã, tranh chấp. Hiện Chị H và anh D đã sống ly thân, mà cả hai đều thống nhất ly hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị H với anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả anh D và Chị H đều hoàn toàn tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Cả chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Đoàn Thị Quỳnh N và cháu Đoàn Thị M. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của anh D và Chị H đều chính đáng. Tuy nhiên, qua đơn nguyện vọng của cháu Đoàn Thị Quỳnh N và qua xét hỏi tại phiên tòa, cháu N trình bày là cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ vì bản thân cháu cũng nhiều lần bị bố đánh đập và chửi mắng, hiện nay cháu đang ở độ tuổi dậy thì do vậy cháu muốn ở với mẹ để mẹ con tâm sự, chia sẻ với nhau hơn, việc cháu viết đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, còn cháu Đoàn Thị M thì hiện nay mới 05 tuổi còn nhỏ.

Do vậy, để đảm bảo môi trường phát triển và tôn trọng nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Thị Quỳnh N và Đoàn Thị M cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc khi có quyết định, bản án của Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng khi các con chung được giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về thu nhập của anh D, điều kiện, hoàn cảnh của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.000.000 đồng (một triệu đồng) (tức là 2.000.000 đồng cho cả hai con) mỗi tháng là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị H

[4]. Về tài sản chung: Cả Chị H và anh D đều thống nhất quá trình chung sống có các tài sản chung gồm: 05 chỉ vàng 9999 (bốn số chín); 01 thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15/371 thuộc thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích là có diện tích là 2808m², (trong đó, đất ở là 400m², đất trồng cây lâu năm 2000m², đất trồng cây hằng năm khác 408m²)

+ *Trên thửa đất có các công trình gồm:* 01 nhà gỗ 02 gian xây bao bằng gạch taplo, mái lợp ngói đỏ, diện tích 93,4m². Gắn với nhà có 01 cửa chính khung gỗ lim, chiều dài khung 12 m, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 7,16 m²; 02 cửa phụ khung gỗ lim, chiều dài khung 7,8m x 02 khung, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 1,976 m² x 02 cửa; 01 cửa sổ khung gỗ lim, chiều dài khung 7,2 m; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 3,5 m²; 01 cửa sổ không có khung cửa; cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 1,68 m²; Nhà ngang cấp 4, xây bao bằng gạch táp lô, mái lợp ngói đỏ, diện tích 41,4m²; Mái che trước nhà gỗ và nhà ngang, cột trụ bê tông cốt thép, khung sườn gỗ, diện tích 56,3m²; Sân dưới mái che lán xi măng, diện tích 56,3m²; 01 nhà bếp liền kề nhà ngang, xây gạch táp lô, chưa áo, mái lợp fibro, diện tích 22,6m²; 01 nhà tắm xây gạch táp lô, mái đổ bê tông, chưa áo, diện tích 5m²; 01 Chuồng lợn xây bằng gạch táp lô, mái lợp Fibro, diện tích 30,8 m²; 01 giếng đào.

+ *Các tài sản trong nhà gồm:* 01 chiếc giường gỗ nhóm II, kích thước 1,6mx2m; 01 chiếc giường gỗ nhóm II, kích thước 1,56mx2,06m; 01 sập gỗ nhóm II rộng 1,4m, dài 2,1m. 01 bộ bàn ghế gỗ lim, gồm: 01 ghế dài, 03 ghế đơn, 01 đầu. Trong đó, 05 chỉ vàng hiện đang do Chị H quản lý sử dụng còn các tài sản khác hiện do anh D quản lý, sử dụng

Ngoài tài sản trên thì vợ chồng còn có một số tài sản chung là vật dụng, công cụ, cây cối có giá trị không đáng kể, cả anh D và Chị H thống nhất giá trị bằng không và cùng đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết những tài sản chung nêu trên. Chị H và anh D đã được tổng đạt bản sao biên bản định giá ngày 19 tháng 4 năm 2021 và đồng ý với giá trị do Hội đồng định giá đã định. Về số vàng, anh D và Chị H thống nhất chia đôi, mỗi người 2,5 chỉ. Còn tài sản khác, hai đương sự đều thống nhất chia đôi cho cả hai vợ chồng về giá trị tài sản chung, tuy nhiên chưa thống nhất được cách phân chia, ai lấy tiền, ai lấy hiện vật.

Do đó, căn cứ vào Điều 29, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với vàng và các đồ vật trong nhà, các đương sự đã thống nhất chia đôi, nên chấp nhận quan điểm của các đương sự; đối với 01 thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15/371 thuộc thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh là thửa đất khá rộng, trường hợp nếu chia 02 phần thì mỗi người đều đảm bảo sinh sống và canh tác, tuy nhiên do chị Phạm Thị H là người trực tiếp nuôi con và là phụ nữ nên cần xem xét ưu tiên cho Chị H được sử dụng phần đất có nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho mỗi đương sự được sử dụng 01 phần thửa đất số 157, tờ bản đồ 15/371, phần đất có nhà và công trình xây dựng giao cho chị Phạm Thị H sở hữu, quản lý và sử dụng.

[5]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị H đã nộp 5.000.000 đồng, là tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tạm ứng định giá tài sản tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nay, anh D và Chị H chấp nhận mỗi người chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và chi phí định giá và không có yêu cầu gì thêm, do đó anh D phải có trách nhiệm đưa lại cho Chị H số tiền 2.500.000 đồng.

[6]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; anh D là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng; Chị H và anh D mỗi người phải chịu 16.121.000 đồng án phí phân chia tài sản chung, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, 157, 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

- Căn cứ Điều 55, Điều 29, 58, 59, 62, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn D;

Về con chung:

Giao con chung Đoàn Thị Quỳnh N - sinh ngày 26 tháng 10 năm 2004 và Đoàn Thị M sinh ngày 09 tháng 3 năm 2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có bản án, quyết định của Tòa án về thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trong thời gian Chị H nuôi con chung, anh Đoàn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi con chung (tức là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho cả hai con mỗi tháng). Trường hợp anh D chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị H thì anh D phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh Đoàn Văn D được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

** Giao cho chị Phạm Thị H sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm:*

- 2,5 chỉ vàng
- 01 chiếc giường gỗ nhóm II, kích thước 1,6m x 2m;
- 01 sập gỗ nhóm II rộng 1,4m, dài 2,1m được định giá là 3.000.000 đồng.
- 01 bộ bàn ghế gỗ lim, gồm: 01 ghế dài, 03 ghế đơn, 01 đầu được định giá là 10.000.000 đồng.

- 01 phần thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15/371 thuộc thôn Sơn Bình 2, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, với tổng diện tích 1598,26m², trong đó 227,67m² đất ở, 1138,36m² đất trồng cây lâu năm, và 232,22m² đất trồng cây hằng năm khác; ranh giới thửa đất thể hiện như sau:

- + Phía Đông giáp với đất nông nghiệp của ông Phạm Hữu T dài 40,49m;
- + Phía Tây giáp với phần đất còn lại của thửa đất số 157, dài 34,5m
- + Phía Bắc giáp đường giao thông dài 39,85m;
- + Phía Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp do UBND xã S quản lý dài 47,21m

- Giao cho chị Phạm Thị H sở hữu, sử dụng nhà và công trình gắn liền với diện tích đất được giao gồm:

+ 01 (một) nhà gỗ 02 gian xây bao bằng gạch taplo, mái lợp ngói đỏ, diện tích 93,4m². Gắn với nhà có 01 (một) cửa chính khung gỗ lim, chiều dài khung 12m, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 7,16 m²; 02 (hai) cửa phụ khung gỗ lim, chiều dài khung 7,8m x 02 khung, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 1,976m² x 02 cửa; 01 (một) cửa sổ khung gỗ lim, chiều dài khung 7,2m, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 3,5 m²; 01 (một) cửa sổ không có khung cửa, cửa bằng ván gỗ nhóm IV, diện tích 1,68 m².

+ 01 (một) nhà ngang cấp 4, xây bao bằng gạch táp lô, mái lợp ngói đỏ, diện tích 41,4m²;

- + 01 (một) mái che trước nhà gỗ và nhà ngang, cột trụ bê tông cốt thép, khung sườn gỗ, diện tích 56,3m²;
- + 01 (một) sân dưới mái che lán xi măng, diện tích 56,3m²;
- + 01 (một) nhà bếp liền kề nhà ngang, xây gạch táp lô, chưa áo, mái lợp fibro, diện tích 22,6m²;
- + 01 (một) nhà tắm xây gạch táp lô, mái đổ bê tông, chưa áo, diện tích 5m²;
- + 01 (một) chuồng lợn xây bằng gạch táp lô, mái lợp Fibro, diện tích 30,8 m²
- + 01 giếng đào

Tổng giá trị tài sản mà Chị H được giao cho sở hữu, sử dụng là: 540.692.737 đồng

**** Giao cho anh Đoàn Văn D sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm:***

- 2,5 chỉ vàng. Số vàng này chị Phạm Thị H đang quản lý.
- 01 (một) chiếc giường gỗ nhóm II, kích thước 1,56mx2,06m;
- 01 phần thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15/371 thuộc thôn Sơn Bình 2, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, với tổng diện tích 1209,74m², trong đó: 172,33m² đất ở, 861,64m² đất trồng cây lâu năm và 175,78m² đất trồng cây hằng năm khác; ranh giới, kích thước thể hiện như sau:
 - + Phía Đông giáp còn lại của thửa đất số 157, tờ bản đồ số 15/371 được giao cho chị Phạm Thị H, dài 34,5m;
 - + Phía Tây giáp với đường giao thông, dài 32,65m
 - + Phía Bắc giáp đường giao thông dài 30,33m;
 - + Phía Nam giáp với đất sản xuất nông nghiệp do UBND xã S quản lý dài 40,96m.

Tổng giá trị tài sản mà anh Đoàn Văn D được giao cho sở hữu và sử dụng là 104.149.266đ (một trăm lẻ bốn triệu, một trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi sáu đồng).

Chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm bàn giao lại cho anh Đoàn Văn D 2,5 chỉ vàng loại 9999 (bốn số chín) do Chị H đang quản lý, sử dụng và Chị H có nghĩa vụ đưa lại cho anh Đoàn Văn D số tiền chênh lệch chia tài sản do Chị H được sở hữu, sử dụng số hiện vật nhiều hơn, số tiền chênh lệch là 218.272.000 đồng (hai trăm mười tám triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng), nhưng anh D phải khấu trừ lại 2.500.000 đ (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản cho Chị H đã nộp trước đó. Vậy số tiền chênh lệch tài sản Chị H phải đưa cho anh D là 215.772.000đ (hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm, bảy mươi hai ngàn đồng)

Anh Đoàn Văn D có trách nhiệm giao lại cho chị Phạm Thị H những tài sản Chị H được chia nhưng anh D đang quản lý.

Kèm theo bản án này có sơ đồ thể hiện diện tích, kích thước và ranh giới các phần đất mà Chị H và anh D được giao.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án. Trường hợp chị Phạm Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho anh Đoàn Văn D thì phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất đã được chia trong bản án.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, và 16.121.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*)) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005622. Nay chị Phạm Thị H phải nộp thêm 15.821.000 đồng.

Anh Đoàn Văn D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng và 16.121.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng tiền án phí anh D phải chịu là 16.421.000 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị H, anh Đoàn Văn D có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị H;
- Bị đơn: Anh D;
- VKS huyện K (2 bản);
- Chi cục THADS huyện K;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã S, h. K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Quang Dũng